STT	Tên ngành	Họ tên	Xếp hạng	Tổ hợp xét	Môn 1	Điểm môn 1	Môn 2	Điểm môn 2	Môn 3	Điểm môn 3	Điểm ưu tiên	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm KK quy đổi	Tổng điểm
1	Giáo dục Tiểu học	VY HỒNG HƯỜNG	1	C00	VA	7.5	SU	6.75	DI	7.75	3.50	3.50	0.00	25.50
2	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG THỊ LUYẾN	2	C00	VA	7.5	SU	6.5	DI	7.5	3.50	3.50	0.00	25.00
3	Giáo dục Tiểu học	VI THỊ HOÀI	3	C00	VA	6.75	SU	5.75	DI	8.25	3.50	3.50	0.00	24.25
4	Giáo dục Tiểu học	NÔNG THỊ OANH	4	C00	VA	6.75	SU	5.25	DI	7.25	3.50	3.50	0.00	22.75
5	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG THỊ CHƯƠNG	5	C00	VA	8.25	SU	4	DI	5.75	3.50	3.50	0.00	21.50
6	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG THỊ THẾ	6	A01	TO	4.25	LI	6.75	HO	6.5	3.50	3.50	0.00	21.00
7	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG THỊ NGÔN	7	A01	TO	6	LI	5	HO	6	3.50	3.50	0.00	20.50
8	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG TIẾN DŨNG	8	A01	TO	5.5	LI	5	HO	5.5	3.50	3.50	0.00	19.50
9	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG KIM ANH	9	C00	VA	4.75	SU	5	DI	5.75	3.50	3.50	0.00	19.00
10	Giáo dục Tiểu học	LA THỊ BÊN	10	C00	VA	6	SU	2.75	DI	6.5	3.50	3.50	0.00	18.75
11	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG TIẾN HÙNG	11	C00	VA	5	SU	4.5	DI	5	3.50	3.50	0.00	18.00
12	Giáo dục Tiểu học	HOÀNG PHƯƠNG THUỲ	11	D01	TO	4	VA	7	N1	3.5	3.50	3.50	0.00	18.00
13	Giáo dục Tiểu học	ÂU THỊ LIÊN	13	D01	TO	4.75	VA	5	N1	3.75	3.50	3.50	0.00	17.00
14	Giáo dục Tiểu học	LƯU VĂN TÂM	14	C00	VA	4	SU	2.25	DI	5.75	3.50	3.50	0.00	15.50
15	Giáo dục Tiểu học	ĐẶNG THU NGÀ	15	C00	VA	5.75	SU	1.5	DI	4.5	3.50	3.50	0.00	15.25
16	Giáo dục Tiểu học	DƯƠNG THỊ ÁNH	16	D01	TO	3.25	VA	5.75	N1	2.25	3.50	3.50	0.00	14.75
17	Giáo dục Tiểu học	LƯƠNG TRƯỜNG ĐẠT	17	A01	TO	2	LI	3	HO	5.75	3.50	3.50	0.00	14.25